

**,TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **140/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 24/6/2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thế Dũng

2. Ông Vương Minh Tân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Diệu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kiều Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/TLST-HNGĐ, ngày 02/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lưu Thị K**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 27, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 27, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lưu Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị K đăng ký kết hôn với anh Trần Văn T ngày 08/08/2014 tại UBND xã P (nay UBND phường M), thành phố T, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hai bên gia đình tổ chức cưới cho anh chị theo nghi lễ truyền thống. Sau khi cưới, vợ chồng ở nhà bố mẹ đẻ của anh T, tại thôn 27, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống anh chị không có nghề nghiệp ổn định, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì thường xuyên

mâu thuẫn, cãi nhau to tiếng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đến cuối năm 2023 thì vợ chồng ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị K làm đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị Lưu Thị K và anh Trần Văn T có hai con chung là Trần Bảo L, sinh ngày 09/8/2014 và Trần Bảo N, sinh ngày 09/12/2016, hiện nay đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục, chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con sau ly hôn, không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Lưu Thị K xác nhận, chị và anh Trần Văn T không có tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị Lưu Thị K xác nhận, chị và anh Trần Văn T không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến tham gia tố tụng theo thời gian triệu tập của Tòa án. Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và vay nợ giữa chị K và anh T tại nơi cư trú, kết quả xác minh như sau:

- Đại diện thôn 27, xã K, thành phố T xác nhận: Chị Lưu Thị K và anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn 27, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị K và anh T có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng bố mẹ anh T, sau đó chị K đi làm xa và ít về nhà, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2023. Việc mâu thuẫn vợ chồng chị K thì thôn không nắm được. Chị K và anh T có hai con chung, hiện nay đang ở cùng với chị K và mẹ đẻ của chị K. Về tài sản chung và vay nợ chung của chị K và anh T, đại diện thôn không nắm được,

- Ông Trần Văn Tình là bố đẻ của anh T cung cấp thông tin như sau: Chị K và anh T có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã P (nay là UBND phường M), thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, sau khi cưới chị K và anh T về ở cùng vợ chồng ông Tình. Quá trình chung sống thời gian đầu thì vợ chồng anh chị hòa hợp, hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2023 chị K và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn rồi ly thân, chị K về nhà mẹ đẻ ở, anh T đi làm ăn xa, vợ chồng cũng không liên lạc với nhau nữa. Nay chị K làm đơn ly hôn ông Tình không có ý kiến gì. Chị K và anh T không có tài sản gì chung, không vay nợ chung.

Tại phiên tòa chị K và anh T đều vắng mặt, chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nội dung đơn xin xét xử vắng mặt chị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị K được ly hôn anh T và đề nghị Tòa án giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc

tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã thực hiện việc xác minh, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Lưu Thị K được ly hôn anh Trần Văn T, giao hai con chung là Trần Bảo L và Trần Bảo N cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn.

Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Vụ án Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại thành phố T. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

- Về việc kiểm tra việc giao nộp chứng cứ: Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì về các tài liệu tòa án công bố tại phiên họp, bị đơn không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị K và anh Trần Văn T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2014 tại UBND xã P (nay là UBND phường M), thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, hiện nay đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị Lưu Thị K và anh Trần Văn T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được. Từ những tài liệu chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Văn T;

- Về con chung: Chị Lưu Thị K và anh Trần Văn T có hai con chung là Trần Bảo L, sinh ngày 09/8/2014 và Trần Bảo N, sinh ngày 07/12/2016, hiện do chị Lưu Thị K đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục, anh Trần Văn T không có mặt tại địa phương. Xét thấy giao con chung cho chị Lưu Thị K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn là phù hợp, chị Lưu Thị K không yêu cầu anh Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của anh Trần Văn T.

- Về tài sản chung: Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú của chị Lưu Thị K, anh Trần Văn T, không xác định được chị K và anh T có tài sản chung hay không, theo kết quả xác minh với ông Trần Văn Tình (bố đẻ của anh Trần Văn T) xác định chị Lưu Thị K và anh Trần Văn T không có tài sản chung, anh Trần Văn T không có mặt tại địa phương, chị Lưu Thị K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung.

- Về vay nợ chung: Chị Lưu Thị K xác nhận, chị và anh Trần Văn T, không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết về vay nợ chung.

[3] Về án phí: Chị Lưu Thị K không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, chị Lưu Thị K phải chịu toàn bộ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lưu Thị K đã nộp trong vụ án này tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Chị Lưu Thị K đã nộp đủ án phí của vụ án, anh Trần Văn T không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lưu Thị K được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Giao hai con chung là Trần Bảo L, sinh ngày 09/8/2014 và Trần Bảo N, sinh ngày 07/12/2016 cho chị Lưu Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lưu Thị K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000395 ngày 02/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Chị Lưu Thị K đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị K và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự" ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS Tuyên Quang;
- UBND xã K, tp Tuyên Quang;
- UBND phường M, tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thảo – Lý Thúy Hà

Vương Thị Lan

